Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 25/03/2025 10:13:23

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 848 /QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực thôn Nhân Đức, xã Nhân Trạch (giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực thôn Nhân Đức, xã Nhân Trạch (giai đoạn 2) của UBND xã Nhân Trạch, họp ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Xét Văn bản số 1978/STNMT-QLMT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực thôn Nhân Đức, xã Nhân Trạch (giai đoạn 2);

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực thôn Nhân Đức, xã Nhân Trạch (giai đoạn 2) đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 76/UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của UBND xã Nhân Trạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 29/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực thôn Nhân Đức, xã Nhân

Trạch (giai đoạn 2) (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Nhân Trạch (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Nhân Đức, xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Bố Trạch, Chủ tịch UBND xã Nhân Trạch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Lâm

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN XÂY DỰNG HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC THÔN NHÂN ĐỨC, XÃ NHÂN TRẠCH (GIAI ĐOẠN 2)

(kèm theo Quyết định số 848 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Xây dựng hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực thôn Nhân Đức, xã Nhân Trạch (Giai đoạn 2).

- Địa điểm thực hiện: Xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Nhân Trạch.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích khoảng 42.677,1 m^2.

- Ranh giới tọa độ khép góc của Dự án được giới hạn bởi 04 điểm, có tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3^0 như sau:

Mốc	X (m)	Y(m)
1	1941825,11	560988,47
2	1941851,27	561044,14
3	1942431,50	560771,51
4	1942405,35	560715,85

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình

- Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 42.677,1m^2, bao gồm: San nền; đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống xử lý nước thải đảm bảo phù hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt và hiện trạng hạ tầng khu vực Dự án.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động giải phóng mặt bằng.

- Hoạt động san nền, đào đắp.

- Hoạt động vận chuyển phục vụ dự án.

- Hoạt động của máy móc thiết bị thi công cơ giới.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động của dân cư trong khu vực dự án.

- Hoạt động vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Quá trình san nền, đào đắp; hoạt động vận chuyển phục vụ dự án; hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường làm phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu dân cư; hoạt động sinh hoạt của các hộ dân, khu công cộng, dịch vụ... làm phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của Dự án với tổng lượng phát sinh khoảng 2,0m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform… và các vi sinh vật gây bệnh khác.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ các hoạt động thi công, bao gồm: Nước thải từ các hoạt động trộn bê tông, vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình… Thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng gồm: TSS, COD, BOD_5…

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực Dự án với tổng lượng phát sinh khoảng 75m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform… và các vi sinh vật gây bệnh khác.

3.1.2. Khí thải:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động san nền, đào đắp; từ quá trình hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình của Dự án; bụi tại bãi tập kết vật liệu xây dựng; bụi do đất bám theo bánh xe từ khu vực thi công ra các tuyến đường… Thông số đặc trưng ô nhiễm: TSP, CO, SO_2, NO_x...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải ra vào Dự án, trên các tuyến đường nội bộ; mùi hôi, khí thải từ thùng đựng rác, cống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải. Thông số đặc trưng ô nhiễm: mùi, TSP, CO, SO_2, NO_x...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân lao động trên công trường gồm giấy loại, bao bì, thức ăn thừa, các vật dụng sinh hoạt loại thải… với khối lượng ước tính khoảng 10kg/ngày.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ dân, công trình công cộng... tại khu vực Dự án gồm giấy loại, bao bì, thức ăn thừa, các vật dụng sinh hoạt loại thải... với khối lượng ước tính khoảng 400 kg/ngày.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường khác:

Sinh khối phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng gồm: cây bụi, thảm thực vật với khối lượng phát sinh khoảng 800kg; Cát dư thừa từ quá trình san nền khoảng 47.571,83m^3; Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ các hoạt động xây dựng gồm: bao bì đựng vật liệu xây dựng, các loại vật liệu xây dựng dư thừa như xi măng, bê tông… với khối lượng khoảng 3-5kg/ngày.

3.2.3. Chất thải nguy hại:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính dầu, thùng sơn... với khối lượng khoảng 3kg/tháng.

b. Đối với giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của người dân trong khu vực Dự án, chủ yếu gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Pin, ắc quy thải; Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử; Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại; Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại; Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại … với khối lượng khoảng 540kg/năm;

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới gây ra, đặc biệt là các thiết bị ủi, xúc, trộn bê tông... tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường nội bộ; tiếng ồn phát sinh ở mỗi hộ gia đình và tiếng ồn từ loa đài công cộng.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Sử dụng nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải 500 lít đặt tại công trường để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển bùn, cặn lắng tại bể chứa chất thải đưa đi xử lý theo đúng quy định. Sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành bốc dỡ nhà vệ sinh di động.

- Đối với nước thải xây dựng:

+ Lót đáy khu vực trộn bê tông nếu có quá trình trộn vữa bê tông không sử dụng máy trộn.

+ Bố trí hố lắng có lót bạt kích thước 1,5x1,5x1m để thu gom nước vệ sinh dụng cụ. Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng trong thi công xây dựng. Sau quá trình xây dựng tiến hành hoàn trả mặt bằng, lấp hố lắng.

+ Bố trí hố lắng thể tích khoảng $2m^3$ ở khu vực xịt rửa bánh xe để lắng đất, cát của nước xịt rửa và tách váng dầu; Nước sau khi xử lý được tái sử dụng trong quá trình thi công xây dựng.

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Hạn chế các hoạt động đào đắp, thi công vào những ngày mưa lớn.

+ Che chắn các điểm tập kết vật liệu máy móc, thiết bị thi công để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng;

+ Đào mương thoát nước tạm ở phía Đông khu vực Dự án, bố trí các hố lắng để thu gom và lắng cặn do nước mưa chảy tràn trong phạm vi dự án trước khi thoát ra ngoài theo địa hình.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại và nước thải xám được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải chung của Dự án với công suất $80m^3$/ngày đêm (lắp đặt 02 module, mỗi module có công suất $40m^3$/ngày đêm với công nghệ MBR-WEME). Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1) thoát về biển Nhân Trạch. Vị trí xả thải có tọa độ 17°33'40.33"N; 106°34'27.03"E.

+ Quy trình xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Module MBR-WEME → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1) trước khi thoát ra môi trường.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên mái nhà được thu gom qua ống uPVC, nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực dự án được thu gom về các hố ga để dẫn về các rãnh thoát bằng bê tông cốt thép trước khi thoát ra ngoài bằng 02 cửa xả ở phía Bắc và phía Nam của Dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Trong giai đoạn xây dựng

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe để hạn chế khả năng rơi vãi gây ô nhiễm môi trường sống của dân cư xung quanh và người dân tham gia giao thông trên các tuyến đường vận chuyển, đồng thời làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất cát rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển nhằm tránh làm ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực và hạn chế phát tán bụi trong những ngày nắng nóng và nhiều gió.

- Lựa chọn các phương tiện cơ giới đồng bộ, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

- Thực hiện phun ẩm các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường và tuyến đường vận chuyển, đặc biệt, đoạn đi qua các khu dân cư, tần suất phun ẩm phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, tăng tần suất vào những ngày nắng nóng nhiều gió.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển có tải trọng phù hợp với các tuyến đường để hạn chế hư hỏng cho đường giao thông khu vực và ít phát tán bụi, khí thải ra môi trường.

- Xe chở vật liệu xây dựng hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm và tuân thủ biển báo tốc độ.

- Vệ sinh khu vực công trường mỗi ngày.

- Để giảm thiểu tác động do xe vận chuyển mang bùn đất từ công trường, chủ đầu tư phải áp dụng các biện pháp sau:

+ Cử công nhân làm vệ sinh đất bám ở bánh xe rơi vãi tại các điểm ra vào công trường nhằm hạn chế bụi cuốn.

+ Thường xuyên quét dọn tuyến đường ra vào Dự án nhằm hạn chế bụi phát sinh do đất bám vào bánh xe.

- Công nhân thi công trên công trường phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, găng tay, giày, ủng...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Bố trí hợp lý cây xanh trong khu vực Dự án; hạn chế tốc độ xe chạy trong khu vực Dự án; quét dọn và phun ẩm thường xuyên.

- Rác thải sinh hoạt tại các khu nhà được thu gom vào thùng đựng rác và được đơn vị thu gom rác vận chuyển định kỳ đi xử lý.

- Khuyến khích người dân trồng thêm cây xanh tại các hộ gia đình để tạo môi trường trong lành.

- Trang bị các thùng chứa chất thải rắn có nắp đậy.

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển rác hàng ngày theo quy định.

c. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 3 thùng 100 lít có nắp đậy kín tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, phân loại chất thải phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý hàng ngày theo đúng quy định. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng, không vứt rác bừa bãi mà tự thu gom vào các thùng chứa rác theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường khác:

+ Đối với chất thải rắn thi công xây dựng và chất thải rắn từ giải phóng mặt bằng: Sinh khối từ quá trình giải phóng mặt bằng như cây bụi, cỏ… được vận chuyển đến bãi thải theo quy định; Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng, tái chế như sắt, thép loại, vỏ bao xi măng... loại thải được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Đất, cát, xi măng, gạch vỡ... được thu gom và tận dụng cho hoạt động xây dựng. Các loại không tận dụng được phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định. Chất thải phải được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của Dự án.

+ Đối với cát dư thừa: Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các thủ tục về khoáng sản và các thủ tục liên quan theo đúng quy định pháp luật trước khi triển khai.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Bố trí điểm tập kết rác thải sinh hoạt phù hợp theo đúng quy định.

- Trang bị các thùng rác có nắp đậy tại nhà dân và trên các tuyến đường nội bộ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý hằng ngày theo đúng quy định.

- Tuyên truyền cho các hộ dân sống trong khu vực có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, thu gom rác đúng nơi quy định, thực hiện tốt các chương trình vệ sinh cộng đồng.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác theo đúng quy định, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thực hiện Dự án nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đáp ứng các yêu cầu tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Bố trí tại khu vực thi công 01 thùng chứa chất thải nguy hại loại 100 lít có nắp đậy kín, có dán nhãn chất thải nguy hại để thu gom chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để định kỳ đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Hướng dẫn cho các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn, bố trí thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt có nắp đậy kín và thực hiện chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Thực hiện theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Sử dụng các máy móc, phương tiện đã được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép.

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo các yêu cầu về cân bằng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn do thiết bị thi công và vận chuyển sinh ra.

- Lập kế hoạch thi công hợp lý, không sử dụng nhiều máy móc, thiết bị thi công gây tiếng ồn và độ rung lớn cùng một thời điểm nhằm hạn chế các tác động đến sức khỏe người dân và công nhân thi công.

- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn phải trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo cho công nhân làm việc.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Tuyên truyền trong các buổi họp dân cư, yêu cầu các hộ dân sử dụng phương tiện giao thông có ý thức, không bóp còi bừa bãi khi lưu thông trong khu vực Dự án.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án đầu tư trong giai đoạn xây dựng và đi vào hoạt động

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Trong giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn

- Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, CO, NO_2, SO_2.

- Vị trí giám sát:

+ K_1: Tại tuyến đường đi vào khu vực dự án.

+ K_2: Trung tâm khu đất dự án.

- Tần suất giám sát: Khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho giám sát:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại

- Vị trí: Tại khu vực lưu giữ.

- Thông số: Tổng khối lượng và thành phần các loại chất thải phát sinh; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Tần suất: Thường xuyên và liên tục.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và các quy định liên quan.

5.1.3. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp bảo đảm sức khoẻ an toàn trong xây dựng và các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố

- Chỉ tiêu giám sát và căn cứ giám sát: Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khu vực Dự án.

- Tần suất giám sát: Trong thời gian thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

5.2. Trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát chất lượng nước thải:

- Thông số giám sát: pH, BOD_5, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Vị trí lấy mẫu phân tích: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tần suất giám sát: Khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại

- Vị trí: Tại khu vực lưu giữ.

- Thông số: Tổng khối lượng và thành phần các loại chất thải phát sinh; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Tần suất: Thường xuyên và liên tục.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và các quy định liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ được phép triển khai dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, khoáng sản và các thủ tục liên quan theo đúng các quy định của pháp luật.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và các quy định liên quan.

- Thiết kế các công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường và các giải pháp thi công phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận để đảm bảo an toàn và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý và giám sát theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước thanh tra, kiểm tra.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện Dự án; Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông; cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của dự án.

- Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ Dự án sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định; Chỉ được đưa Dự án vào vận hành sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, thủ tục môi trường theo quy định.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định./.